

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG NHẬT Ở KHOA TIẾNG NHẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Nguyễn Thị Bích Huệ¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Trần Thị Thu Thủy

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Hoa

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 31/07/2020; Ngày hoàn thành biên tập: 27/08/2020; Ngày duyệt đăng: 28/08/2020

Tóm tắt: Trong bối cảnh toàn cầu hoá và thế giới VUCA² như hiện nay, đào tạo nguồn nhân lực toàn cầu chất lượng cao không chỉ giới ngoại ngữ, chuyên môn mà còn cần có tính chủ động, có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc nhóm và tự định hướng là yêu cầu cấp thiết. Phương pháp dạy học theo dự án (Project Based Learning - PBL) chính là một trong những phương pháp giảng dạy có thể đạt được mục tiêu đào tạo trên (Yuasa & cộng sự, 2011). Trong bài viết này, nhóm tác giả giới thiệu phương pháp giảng dạy theo hình thức PBL cùng những hiệu quả thực tế đã áp dụng tại Khoa tiếng Nhật trường Đại học Ngoại thương từ năm 2017 đến nay. Từ những kết quả thu được, tác giả hy vọng phương pháp PBL có thể sẽ được áp dụng rộng rãi vào giảng dạy tại các học phần ngoại ngữ nói chung và tiếng Nhật nói riêng nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh mới.

Từ khoá: Đào tạo, Tiếng Nhật, Dạy học theo dự án (PBL), Học chủ động, Phát hiện vấn đề, Giải quyết vấn đề, Làm việc nhóm

PROJECT-BASED LEARNING METHODOLOGY FOR TEACHING JAPANESE AT JAPANESE LANGUAGE FACULTY OF FOREIGN TRADE UNIVERSITY

Abstract: High-quality human resources development which provides not only language, technical skills but also initiative, problem-solving skills and teamwork experience. It becomes an urgent educational requirement in this digital and VUCA world. Project-based learning is one of the most effective methodology which would assist us in fulfilling this requirement (Yuasa *et al.*, 2011). In this research, the authors would introduce project-based learning methodology for teaching at Japanese Language Faculty of Foreign Trade University from 2017 to present. From the findings obtained, it is hoped that Project-based method can be widely applied in teaching foreign language modules in general and Japanese in particular, to meet the needs of businesses and society in the new world.

Keywords: Training, Japanese language, Project-based Learning (PBL), Active learning, Problem detection, Problem solving, Teamwork.

¹ Tác giả liên hệ, Email: bichhuejp@ftu.edu.vn

² VUCA: Volatility (biến động), Uncertainty (không chắc chắn), Complexity (phức tạp), Ambiguity (mơ hồ)

1. Giới thiệu chung

Trải qua gần 50 năm kể từ khi Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Nhật Bản năm 1973, hiện nay đây là đối tác kinh tế lớn nhất của Việt Nam. Nhật Bản là quốc gia có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam lớn nhất trong năm 2019 với tổng số vốn đăng ký gần 8 tỉ USD, 630 dự án. Tính từ năm 1992 đến cuối năm 2017, Nhật Bản cũng là nhà tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam với tổng số vốn cam kết khoảng 30 tỉ USD (Tạp chí Công Thương, 2019).

Cùng với sự phát triển hợp tác kinh tế giữa hai nước, nhu cầu về nguồn nhân lực biết tiếng Nhật đang gia tăng nhanh chóng. Theo kết quả khảo sát của Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản được công bố vào tháng 4 năm 2016, số trường có giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam là 219 trường, số lượng người Việt Nam học tiếng Nhật là 64.863 người, đứng thứ 8 trên thế giới, đứng thứ 3 trong các nước Đông Nam Á (First news, 2018).

Tuy nhiên, có thể thấy rằng nguồn nhân lực Việt Nam biết tiếng Nhật vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường cả về chất lượng và số lượng. Đặc biệt, nhiều công ty Nhật Bản chỉ ra rằng nhân viên người Việt Nam còn thiếu kỹ năng phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề, thiếu tính chủ động và khả năng phối hợp làm việc nhóm.

Trường Đại học Ngoại thương (ĐHNT) bắt đầu giảng dạy tiếng Nhật từ năm 1971, là trường đại học đầu tiên giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam, trong đó trọng tâm là giảng dạy tiếng Nhật kinh tế và thương mại. Mục tiêu mà trường ĐHNT hướng đến không phải chỉ là đào tạo ra những sinh viên có thể nói được tiếng Nhật, mà là đào tạo ra những sinh viên có thể làm việc bằng tiếng Nhật. Để trở thành người có thể làm việc bằng tiếng Nhật, sinh viên cần được trang bị: (1) Năng lực tiếng Nhật, (2) Năng lực chuyên môn, (3) Kỹ năng giao tiếp, (4) Kỹ năng dung hòa giữa các nền văn hóa khác biệt, (5) Kỹ năng phát hiện vấn đề, (6) Kỹ năng giải quyết vấn đề và (7) Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm.

Để thực hiện định hướng giáo dục đó, ngay từ khi đưa tiếng Nhật vào giảng dạy, Khoa tiếng Nhật đã thực hiện triệt để đào tạo gắn với thực tiễn. Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2017, Khoa đã đưa vào áp dụng một phương thức học mới có tên gọi “Học theo dự án” (tên tiếng Anh là Project Based Learning, gọi tắt là PBL) cho đối tượng sinh viên năm thứ 4 chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại.

Trong giờ học PBL, sinh viên năm thứ 4, là những người chuẩn bị tốt nghiệp và sẽ đi làm, sẽ cùng nhau lập thành nhóm từ 5 - 6 sinh viên, cùng trao đổi thông tin, tiếp xúc trực tiếp với doanh nghiệp Nhật Bản. Thông qua quá trình tiếp xúc, trao đổi thông tin, các nhóm sinh viên sẽ cùng phát hiện ra những vấn đề mà doanh nghiệp đang cần phải giải quyết. Sau đó, sinh viên sẽ cùng nhau thu thập, phân tích thông tin và sẽ đưa ra các đề xuất giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp. Thông qua hoạt động dự án này, sinh viên không những nâng cao được khả năng giao tiếp bằng tiếng Nhật, mà còn được rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm.

Trong bài viết này, ngoài giới thiệu chung, nhóm tác giả sẽ trình bày cơ sở lý thuyết và phân tích hiệu quả của phương pháp học theo dự án PBL tại Khoa tiếng Nhật trường ĐHNT, từ đó làm rõ ý nghĩa của việc áp dụng hình thức PBL trong hoạt động đào tạo Tiếng Nhật nói riêng và đào tạo ngoại ngữ nói chung tại Việt Nam trong hoạt động đào tạo nguồn nhân lực toàn cầu.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1 Khái niệm PBL

Nhìn từ góc độ lịch sử thì phương pháp học theo dự án bắt đầu từ thế kỷ thứ 16 và trở nên phổ biến từ khoảng những năm 1990. Phương pháp học theo dự án được biết đến là phương pháp học tập theo hướng thực hành hiệu quả. Kiến thức không chỉ được truyền dạy cho người học bởi người dạy mà người học có thể tự mình thu nạp kiến thức thông qua những trải nghiệm thực tế. Kilpatrick (1918) đã kế thừa lý thuyết

về chủ nghĩa kinh nghiệm của Dewey (1910) và khởi xướng phương pháp học theo phương thức dự án (project method), trong đó người học có thể chủ động giải quyết vấn đề thông qua hoạt động thực tiễn. Đây là hoạt động học tập được tiến hành với 4 quá trình như sau: (1) Xây dựng mục tiêu học tập, (2) Lập kế hoạch cụ thể từ các mục tiêu, (3) Thực hiện kế hoạch và (4) Đánh giá kết quả.

Phạm vi áp dụng phương pháp học theo dự án PBL rất rộng, hình thức thực hiện cũng rất phong phú, do đó mà có nhiều định nghĩa khác nhau về PBL. Jones & cộng sự (1997); Thomas & cộng sự (1999) định nghĩa PBL là phương pháp học mà tại đó người học tự thiết kế hoạt động của mình trên cơ sở các vấn đề phức tạp, từ đó tiến hành hoạt động khảo sát, giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định. Người học tự giác tham gia các hoạt động, vượt ra ngoài khuôn khổ của giờ học, thu được những kết quả hoạt động và tiến hành báo cáo về các kết quả đó gần giống như một hoạt động thực sự. Tiếp đến, Matsuda & cộng sự (2007) định nghĩa PBL là giờ học “khác với giờ học diễn thuyết hay thảo luận kiểu truyền thống. Giờ học này được tiến hành như một dự án nhằm giải quyết một vấn đề nào đó mà trong đó người học là chủ thể giải quyết vấn đề. PBL có thể được tiến hành theo cách giao cho người học tự tìm ra vấn đề, hoặc giảng viên nêu vấn đề và người học sẽ là chủ thể giải quyết vấn đề đó, giảng viên chỉ đóng vai trò là người hỗ trợ các hoạt động của người học. Mục đích của PBL là nâng cao những năng lực cần thiết để giải quyết vấn đề, ngoài ra còn giúp củng cố và phát huy các kiến thức đã học, đồng thời người học nâng cao được động lực học tập và chủ động tiếp thu kiến thức”.

Từ các định nghĩa trên có thể rút ra 3 đặc điểm của PBL. Thứ nhất, người học đóng vai trò chủ động, phát hiện vấn đề, thu thập thông tin, phân tích thông tin, xây dựng lộ trình giải quyết vấn đề và học một cách chủ động. Thứ hai, giảng viên không giảng bài, mà chỉ đóng vai trò là người hỗ trợ để thúc đẩy hoạt động học tập của người học. Thứ ba, người học tham gia các hoạt động gần với thực tế, vượt ra ngoài khuôn khổ của giờ học để tiếp thu được kiến thức một cách chủ động.

Yuasa & cộng sự (2011) cũng chỉ ra rằng thông qua hoạt động học theo dự án có thể đạt được các hiệu quả sau: (1) Tỷ lệ đến lớp của người học tăng lên, (2) Phát triển tinh thần tự lập, (3) Nâng cao tinh thần học tập, (4) Nâng cao khả năng tư duy, (5) Nâng cao khả năng giải quyết vấn đề, (6) Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và (7) Nâng cao kỹ năng giao tiếp.

2.2 Áp dụng PBL vào đào tạo tiếng Nhật thương mại

Horii & Tanemura (2013) đánh giá trong giờ học tiếng Nhật thương mại, thông qua phương pháp PBL, người học có thể rèn luyện được các năng lực tổng hợp như kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng các cách ứng xử trong tiếng Nhật, tư duy lô-gíc, giải quyết vấn đề, tự học. Vì thế, PBL đã thu hút được nhiều sự chú ý tại Nhật Bản từ cách đây 10 năm.

Horii đã sử dụng giáo trình “Tiếng Nhật thương mại dành cho lưu học sinh”³ do các giảng viên trường đại học Musashino Nhật Bản biên soạn cho môn học của chương trình tiếng Nhật thương mại của trường. Dự án được triển khai là “Kế hoạch bán sản phẩm dành cho thế hệ sinh sau Chiến tranh” (ngành thương mại) và “Kế hoạch phát triển cửa hàng tiện ích mới” (ngành bán lẻ), với đối tượng là các lưu học sinh nước ngoài học bậc cao học tại trường. Thông qua hai dự án này, các học viên đã nâng cao được kiến thức trong các lĩnh vực, nâng cao được kỹ năng kinh doanh, kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng dung hòa giữa các nền văn hóa khác biệt (Horii, 2010).

Walker (2017) cũng đã thực hiện “dự án tham quan doanh nghiệp” trong khóa học

³ <http://www.hidajapan.or.jp/jp/project/nihongo/kyozai/index.html>

tiếng Nhật thương mại tại trường Đại học quốc gia Singapore cách đây 10 năm. Năm 2017, giảng viên này đã triển khai “dự án tổ chức hội thảo với các doanh nghiệp Nhật Bản”. Kết quả là sinh viên đã chủ động tổ chức được sự kiện, có thể vận dụng các kiến thức đã học trong giờ học vào thực tế và học được kỹ năng làm việc nhóm.

Tại Việt Nam, phương pháp PBL cũng đã được áp dụng trong giảng dạy tiếng Anh. Nguyễn (2011) đã chỉ ra lợi ích của phương pháp PBL và nhấn mạnh vai trò quan trọng của phương pháp PBL trong giáo dục nói chung và trong giảng dạy tiếng Anh nói riêng.

Tại trường ĐHNT, đào tạo tiếng Nhật thương mại với mục tiêu “đào tạo nguồn nhân lực đảm nhiệm các vị trí nhân viên văn phòng, lãnh đạo, quản lý”, chương trình đào tạo tiếng Nhật thương mại được xây dựng như một khâu hỗ trợ việc khẳng định bản thân, hình thành nhân cách và trang bị cho sinh viên năng lực ngôn ngữ tiếng Nhật bao gồm tiếng Nhật giao tiếp, tiếng Nhật học thuật và tiếng Nhật thương mại (tư duy lô-gíc, tư duy phản biện); năng lực chuyên môn mà trọng tâm là các kiến thức cơ bản về kinh tế, kinh doanh, nghiệp vụ ngoại thương, kế toán; năng lực giao tiếp để sinh viên có thể thuyết trình, đàm phán, thuyết phục; sự dung hòa giữa các nền văn hóa thông qua những hiểu biết về văn hóa, tập quán thương mại và nguyên tắc giao tiếp trong kinh doanh; năng lực hành động như kỹ năng hợp tác, khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề (Tran, 2017). Để thực hiện mục tiêu trên, cần phải xây dựng giờ học mang tính thực hành cao, có sự liên kết với các doanh nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trước khi tuyển dụng để sinh viên có khả năng làm việc ngay sau khi được nhận vào công ty mà không mất thời gian và chi phí để đào tạo lại (Nguyễn, 2017). Giờ học PBL được áp dụng từ năm 2017 là một trong những giải pháp để hiện thực hóa định hướng đào tạo tiếng Nhật thương mại nói trên. Dưới đây là kết quả triển khai giờ học PBL ở trường ĐHNT trong 3 năm từ năm 2017 đến nay.

3. Triển khai giờ học theo dự án PBL tại trường Đại học Ngoại thương

3.1 Lên kế hoạch giờ học

Khoa tiếng Nhật trường ĐHNT áp dụng giờ học PBL lần đầu tiên trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2017. Để triển khai giờ học này, nhóm giảng viên phụ trách đã xây dựng kế hoạch giảng dạy như dưới đây.

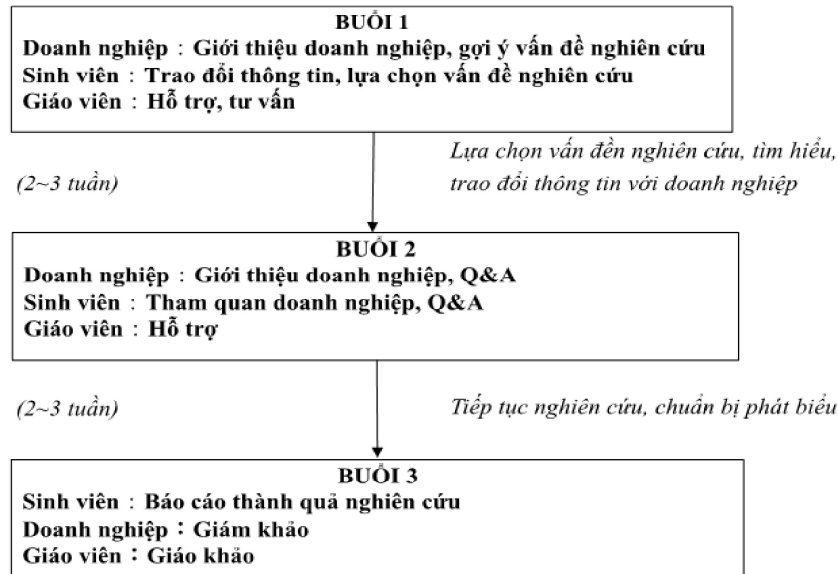
Về đối tượng sinh viên, giờ học áp dụng cho sinh viên năm thứ 4, tổng số 3 lớp, với khoảng 90 sinh viên. Trình độ tiếng Nhật của các sinh viên tương đương với cấp độ N3, N2 theo khung đánh giá năng lực JLPT⁴. Mỗi lớp được chia thành 5 - 6 nhóm, mỗi nhóm gồm 5 - 6 sinh viên.

Về đối tượng doanh nghiệp hợp tác, tương ứng với 3 lớp sinh viên, Khoa đã mời 03 doanh nghiệp tham gia cho mỗi năm học. Do một trong những mục đích của giờ học này là nâng cao năng lực tiếng Nhật cho sinh viên, nên 3 doanh nghiệp được lựa chọn trong chương trình đều là doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại Việt Nam.

Tổng thời lượng dành cho các giờ học PBL là 3 buổi học, mỗi buổi 3 tiết học. Đây là 03 trong số 18 buổi học của học phần Giao dịch thương mại do Bộ môn Ngôn ngữ thương mại thuộc Khoa tiếng Nhật phụ trách.

Nội dung chi tiết của mỗi buổi học được mô tả như Hình 1 dưới đây.

⁴ Japanese Language Proficiency Test (JLPT) là tên gọi của kỳ thi năng lực tiếng Nhật và chứng chỉ trình độ tiếng Nhật được tổ chức 2 lần 1 năm trên toàn thế giới được tổ chức bởi Hiệp hội hỗ trợ quốc tế Nhật Bản và Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản



**Hình 1. Trình tự tiến hành các buổi học PBL của học phần
Giao dịch Thương mại - Khoa tiếng Nhật – Trường ĐHTT**

Nguồn: Nhóm tác giả xây dựng

Buổi 1: Đại diện doanh nghiệp tới trường ĐHTT, thuyết trình với sinh viên về doanh nghiệp. Tại giờ học này, doanh nghiệp cũng giới thiệu với sinh viên về các vấn đề mà hiện nay doanh nghiệp đang phải đối mặt. Với các vấn đề mà doanh nghiệp nêu lên tại buổi học này, các nhóm sinh viên sẽ lựa chọn chủ đề mà nhóm quan tâm làm vấn đề nghiên cứu của nhóm. Giảng viên đóng vai trò tư vấn, hỗ trợ. Khoảng cách thời gian từ buổi học 1 đến buổi học 2 là khoảng 3 tuần. Trong thời gian này, các nhóm sinh viên sẽ tiến hành trao đổi với người phụ trách của doanh nghiệp để làm rõ những vấn đề còn thắc mắc hoặc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thêm các thông tin cần thiết liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Việc trao đổi này được tiến hành qua email và sử dụng bằng tiếng Nhật.

Buổi 2: Sinh viên tới tham quan, khảo sát thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian được sắp xếp cách buổi học 1 từ 2 - 3 tuần. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách, sinh viên sẽ tới thăm doanh nghiệp. Tại đây, sinh viên sẽ được tham quan nhà máy, văn phòng của doanh nghiệp, tham quan dây chuyền sản xuất, gặp gỡ, trao đổi với các nhân viên trong doanh nghiệp để tìm hiểu cụ thể hơn về các hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Nhờ đó, sinh viên có cơ hội xác nhận thông tin, phân tích về những vấn đề mà sinh viên chưa nắm bắt được đầy đủ tại buổi học 1.

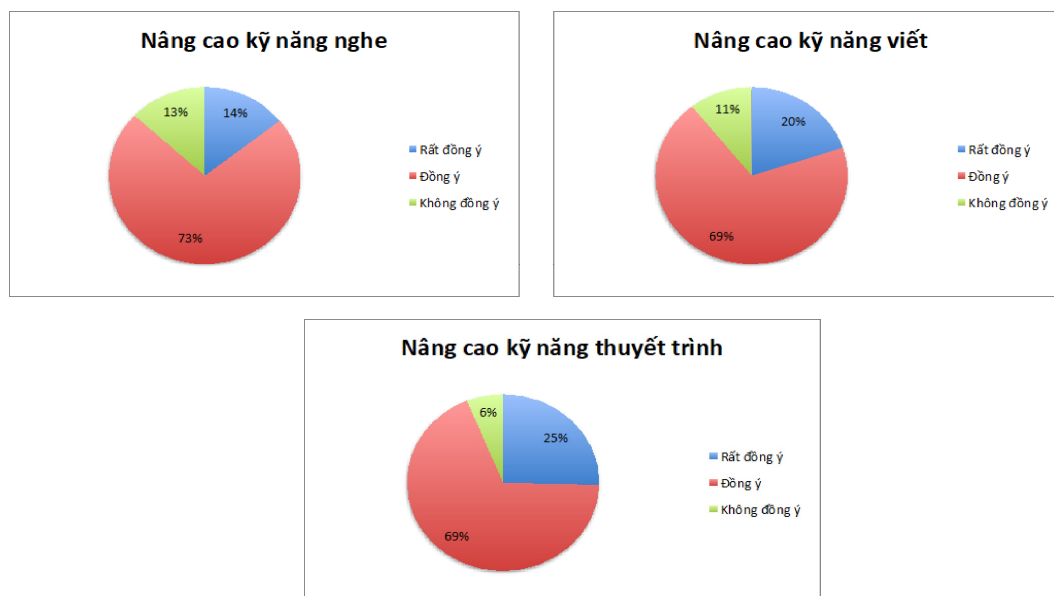
Buổi 3: Buổi học này được sắp xếp cách buổi học 2 khoảng 2 - 3 tuần. Trong buổi học này, các nhóm phát biểu kết quả nghiên cứu về vấn đề mà nhóm mình đã lựa chọn. Giảng viên phụ trách và đại diện doanh nghiệp chấm điểm phần phát biểu của các nhóm theo tiêu chí chấm điểm đã được thống nhất trước giữa hai bên. Kết quả điểm được tính là kết quả kiểm tra giữa kỳ của môn Giao dịch.

3.2 Đánh giá hiệu quả của giờ học PBL

Liệu những hiệu quả của giờ học PBL được thực hiện tại Khoa tiếng Nhật trường Đại học Ngoại thương có đạt hiệu quả như Yuasa & cộng sự (2011) đã chỉ ra hay như Horii (2010, 2017), Horii & Tanemura (2013), hay như Walker (2017) đã thực hiện đối với giờ giảng của mình? Sau mỗi đợt thực hiện giờ học PBL, Khoa đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến các sinh viên đã tham gia giờ học với mục đích đánh giá hiệu quả của giờ học PBL. Tổng hợp số phiếu trả lời thu được sau khi tiến hành 3 năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020 lần lượt là 48, 54 và 31 phiếu. Tổng cộng là 133 phiếu. Dưới đây là kết quả phân tích dựa trên số liệu đã khảo sát.

3.2.1 Nâng cao năng lực tiếng Nhật

Thông qua giờ học theo hình thức PBL, kỹ năng nghe, viết và nói của sinh viên được nâng cao đáng kể. Hình 2 tổng hợp kết quả khảo sát đối với sinh viên đã tham gia giờ học PBL. 87% sinh viên đồng ý rằng kỹ năng nghe được nâng cao, 89% sinh viên đồng ý rằng kỹ năng viết⁵ được nâng cao và có đến 94% sinh viên trả lời rằng kỹ năng thuyết trình được nâng cao.



Hình 2. Nâng cao năng lực tiếng Nhật

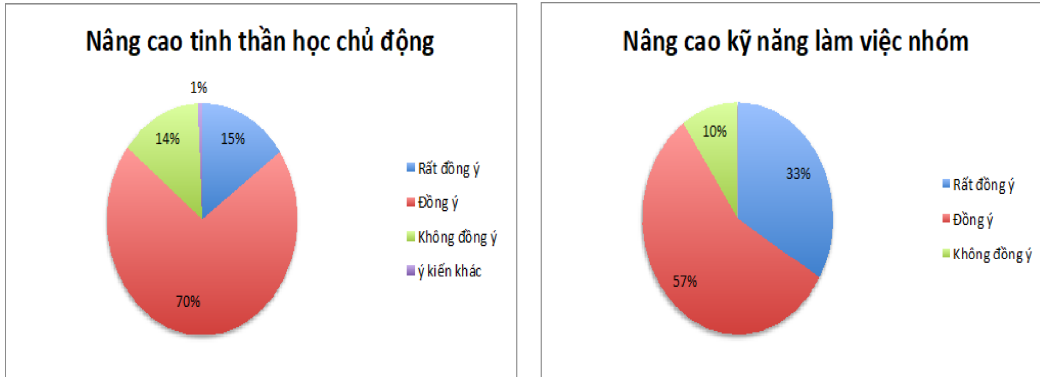
Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.2.2 Nâng cao tính chủ động và kỹ năng làm việc nhóm

Bên cạnh năng lực về ngôn ngữ được nâng cao, thông qua thực hiện dự án đã cũng giúp sinh viên rèn luyện tinh thần chủ động học tập và kỹ năng làm việc nhóm. Hình 3 cho thấy 85% sinh viên trả lời rằng giờ học đã giúp nâng cao tinh thần học chủ động và 90% sinh viên đã nâng cao được kỹ năng làm việc nhóm.

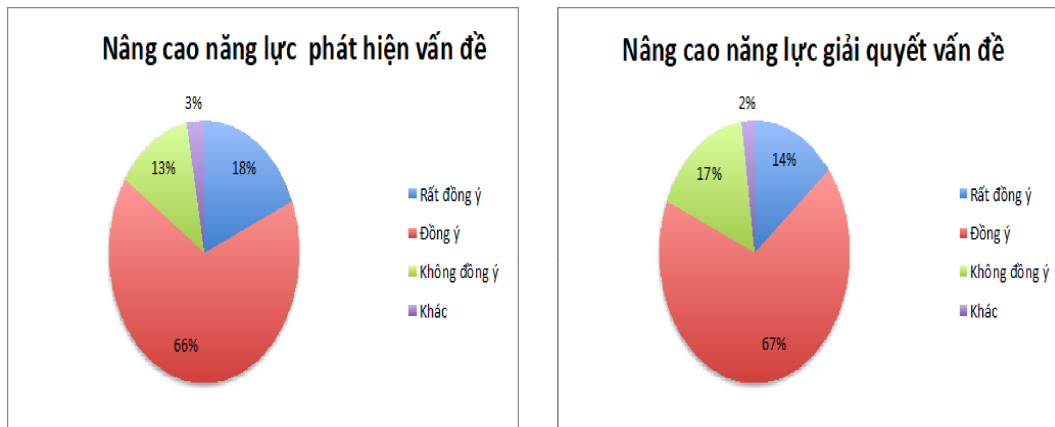
3.2.3 Nâng cao năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề

⁵ Tổng hợp kết quả khảo sát 2 năm học 2018 - 2019 và 2019 - 2020



Hình 3. Nâng cao tính chủ động và kỹ năng làm việc nhóm

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Hình 4. Năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp



Hình 5. Nâng cao hứng thú học tập

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.2.4 Nâng cao tinh thần học tập

Giờ học theo phương thức PBL còn được sinh viên đánh giá cao vì đã tạo hứng thú học tập. cho sinh viên. 95% sinh viên cảm thấy có hứng thú với giờ học như được tổng hợp trong Hình 5 dưới đây. Như vậy, có thể nói áp dụng phương pháp PBL có thể đem đến giờ học hứng thú và tinh thần học tập cho sinh viên.

3.2.5 Nâng cao trải nghiệm thực tế và khả năng định hướng nghề nghiệp

Qua kết quả khảo sát, có thể thấy việc áp dụng phương pháp PBL không chỉ giúp sinh viên nâng cao năng lực về mặt ngôn ngữ, tinh thần thái độ học tập, kỹ năng giải quyết và phát hiện vấn đề mà còn hướng tới mục tiêu xa hơn đó là ứng dụng những kiến thức đã học và những trải nghiệm thực tế sinh viên năm cuối để định hướng đúng đắn về nghề nghiệp tương lai. Kết quả khảo sát được tổng hợp trong Hình 6 cho thấy 90% sinh viên cho biết giờ học PBL đã cho các em có cơ hội thực hành những kiến thức đã học, 74% sinh viên cho rằng giờ học giúp các em có thêm kinh nghiệm thực tế và 70% sinh viên trả lời rằng thông qua giờ học giúp các em có được những định hướng nghề nghiệp sau này.



Hình 6. Nâng cao trải nghiệm và khả năng định hướng nghề nghiệp

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Kết quả khảo sát này cho thấy, phần lớn sinh viên sau khi tham gia giờ học PBL đều nhận thấy bản thân được nâng cao các năng lực được xếp theo thứ tự: Hứng thú học tập (95%), Kỹ năng thuyết trình (94%), Kỹ năng làm việc nhóm (90%), Thực hành kiến thức đã học (90%), Kỹ năng viết (89%), Kỹ năng nghe (87%), Tinh thần chủ động trong học tập (85%), Năng lực phát hiện vấn đề (84%), Năng lực giải quyết vấn đề (81%), Kinh nghiệm thực tế (74%), Định hướng nghề nghiệp (70%). Có thể nói với thời lượng ngắn (3 buổi) nhưng phương pháp PBL đã giúp sinh viên trau dồi và rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người đi làm một cách hiệu quả. Nếu áp dụng phương pháp này với quỹ thời gian dài hơn, nhóm tác giả hy vọng sẽ đem lại hiệu quả cao hơn nữa cho sinh viên.

3.3 Ví dụ triển khai giờ học PBL

3.3.1 Doanh nghiệp giới thiệu, gợi ý vấn đề nghiên cứu

Tại buổi học 1, các doanh nghiệp giới thiệu về doanh nghiệp của mình cho sinh viên lớp mà doanh nghiệp đó phụ trách. Trong giờ học vừa rồi, ba doanh nghiệp đã giới thiệu những thông tin cơ bản về doanh nghiệp mình và chỉ ra những vấn đề tồn tại cần giải quyết của doanh nghiệp như bảng dưới đây.

Bảng 1. Giới thiệu về doanh nghiệp, gợi ý vấn đề nghiên cứu

Thông tin	Công ty A – Lớp Nhật 1	Công ty B – Lớp Nhật 2	Công ty C – Lớp Nhật 3
Tên công ty	BANDO MANUFACTURING (VIETNAM)Co., Ltd.	Grooo international JSC	SoftBank Vietnam
Ngành	Sản xuất	Phát triển hệ thống	Điện, truyền thông
Năm thành lập	Năm 2012	Năm 2015	Năm 2012
Vốn Số nhân viên	2.000.000 USD 103 người	55.000.000 yên 70 người	25.302,5 triệu đồng
Lĩnh vực hoạt động/Đặc điểm sản phẩm	Danh mục sản phẩm tiêu thụ: dây cô-roi chuyên dẫn, băng chuyên, sản phẩm nhựa, các sản phẩm dây cô-roi khác, xuất khẩu cao su tự nhiên Danh mục sản phẩm sản xuất Sản phẩm nhựa/băng chuyên nhựa/đĩa rửa dùng trong gia công băng chuyên VS	Phát triển đặt hàng tại nước ngoài: hình thức dự án, hình thức phòng thí nghiệm Marketing nội dung: chế tác nội dung, hỗ trợ vận hành truyền thông, kết nối, đào tạo nhân viên lập trình	Đặc điểm của robot NAO: -Có thể giao tiếp được bằng 21 thứ tiếng. -Có thể điều khiển dễ dàng -Có thể thực hiện được nhiều chương trình -Có thể kết nối với đám mây -Thăng bằng tốt và có thể bước bằng 2 chân
Mục tiêu của công ty/Mục tiêu của dự án	1. Giành được thị phần dẫn đầu trên thị trường xe ga. 2. Sản xuất, phân phối đĩa rửa, giành thị phần dẫn đầu. 3. Khai thác thị trường sửa chữa dây cô-roi cho xe hai bánh, máy công nghiệp thông thường, máy nông nghiệp tại Việt Nam, phân đấu giành thị phần dẫn đầu. 4. Mở rộng thị trường bán băng tải tại Việt Nam 5. Khai thác thị trường Campuchia. Hoạt động sản xuất, phân phối hướng vào thị trường nội địa Việt Nam	Mục tiêu kinh doanh: 1. Thị trường đặt hàng tại nước ngoài: Tăng trưởng 2. R&D: Ươm tạo 3. Dịch vụ, sản phẩm của công ty: Ươm tạo, quản trị Mục đích văn hóa doanh nghiệp của công ty 1. Quản trị: Hệ thống hóa phương thức quản lý, kết cấu hóa quản lý, quản trị 2. Văn hóa doanh nghiệp của công ty: Công ty là một trường học. Thách thức phát triển trong tương lai 1. Thách thức trong quản lý hoạt động 2. Thách thức trong xây dựng thương hiệu 3. Thách thức trong tuyển dụng 4. Thách thức trong mở rộng kinh doanh	Phát huy hiệu quả của Robot NAO tại thị trường Việt Nam, xúc tiến bán Robot NAO tại thị trường Việt Nam
Gợi ý vấn đề nghiên cứu	①Đề phát triển hơn nữa thị trường thế mạnh của công ty? ②Đề tiên vào thị trường còn yếu? ③Đề khai phá thị trường mới?	①Thách thức trong quản lý hoạt động ②Thách thức trong xây dựng thương hiệu ③Thách thức trong tuyển dụng ④Thách thức trong mở rộng kinh doanh	Vấn đề cơ bản ①Bối cảnh thị trường Việt Nam ②Những tồn tại của thị trường ③Những vấn đề NAO có thể giải quyết Vấn đề ứng dụng ①Nên quảng cáo sản phẩm vào thị trường Việt Nam như thế nào? ②Có thể liên kết với dịch vụ nào? ③Có thể liên kết với doanh nghiệp nào?

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.3.2 Lựa chọn vấn đề nghiên cứu

Trên cơ sở những thông tin được doanh nghiệp cung cấp, mỗi nhóm sinh viên của từng lớp lựa chọn ra cho nhóm mình một vấn đề nghiên cứu. Các vấn đề mà các nhóm đã lựa chọn được tổng hợp tại Bảng 2. Ở bước này yêu cầu sinh viên đòi hỏi phải có năng lực phát hiện vấn đề.

Bảng 2. Vấn đề nghiên cứu mà sinh viên đã lựa chọn

Công ty A – Lớp Nhật 1	Công ty B – Lớp Nhật 2	Công ty C – Lớp Nhật 3
Nhóm 1: Marketing thương hiệu của công ty cổ phần BANDO	Nhóm 1 Quy trình tuyển dụng của công ty Grooo	Nhóm 1: Bán cho các trường tiểu học
Nhóm 2: Đề khai phá thị trường mới?	Nhóm 2: Thách thức trong xây dựng thương hiệu cho Grooo	Nhóm 2: Phát triển chức năng giúp hỗ trợ đời sống cho người cao tuổi của robot NAO
Nhóm 3: Đề phát triển hơn nữa thị trường thể mạnh của công ty?	Nhóm 3: Hệ thống tuyển dụng của Grooo International	Nhóm 3: NAO và trẻ tự kỷ
Nhóm 4: Đề thâm nhập vào thị trường còn yếu?	Nhóm 4: Chiến lược xây dựng thương hiệu và hoạt động xây dựng thương hiệu	Nhóm 4: Bệnh viện và Happy Room
Nhóm 5: Khai thác thị trường sửa chữa xe hai bánh tại Việt Nam, phân đấu tăng thị phần.	Nhóm 5: Thách thức trong tuyển dụng của Grooo International	Nhóm 5: Robot NAO hỗ trợ người khiếm thính

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.3.3 Nghiên cứu vấn đề, thu thập thông tin

Trong quá trình tìm hiểu vấn đề, nếu có điểm nào chưa rõ hoặc thông tin chưa đầy đủ thì đại diện của nhóm sinh viên sẽ gửi email cho người phụ trách của doanh nghiệp để yêu cầu làm rõ hoặc cung cấp thêm thông tin. Các trao đổi qua email phải thực hiện bằng tiếng Nhật. Thông qua việc tương tác bằng email như vậy, khả năng viết bằng tiếng Nhật, cách ứng xử khi giao tiếp bằng email của sinh viên, cách sử dụng kính ngữ trong tiếng Nhật được nâng cao, đồng thời khả năng viết, đọc tiếng Nhật của sinh viên cũng được củng cố.

3.3.4 Tham quan doanh nghiệp

Như đã trình bày ở mục trước, buổi tham quan doanh nghiệp được tổ chức xen giữa buổi học 1 và buổi học 2. Trong buổi tham quan này, sinh viên không chỉ quan sát nơi làm việc thực tế của doanh nghiệp, mà còn có cơ hội trao đổi ý kiến trực tiếp với người phụ trách của doanh nghiệp về những nội dung đã được doanh nghiệp giới thiệu tại buổi 1, hay những câu hỏi khi quan sát tại doanh nghiệp trong quá trình tham quan. Qua đó, sinh viên có thể tìm hiểu sâu hơn về doanh nghiệp, đồng thời cũng có thể nâng cao được khả năng phát hiện vấn đề, thu thập thông tin, thảo luận...

3.3.5 Chuẩn bị báo cáo

Sau khi đã thu thập tương đối đầy đủ thông tin cần thiết, sinh viên bước vào giai đoạn viết báo cáo và chuẩn bị cho việc phát biểu. Để thực hiện việc này, các sinh viên sẽ phải thảo luận trong nhóm, phân công công việc cho từng thành viên trong nhóm. Bảng 3 là ví dụ về một bảng phân công nhiệm vụ của một nhóm. Trong bảng phân công này có thể thấy nội dung nhiệm vụ, người phụ trách, thời hạn của từng công việc được sinh viên ghi rõ ràng. Để các công việc trong nhóm được triển khai thuận lợi, mỗi thành viên cần biết phối hợp với các thành viên khác và phải hoàn thành nhiệm vụ của mình theo đúng kế hoạch được phân công. Trong giai đoạn này, năng lực viết báo cáo, soạn slide, kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm của sinh viên được hình thành và phát triển.

Bảng 3. Bảng phân công nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo

Thời gian	Nhiệm vụ		Người thực hiện
22 - 27/9	Tiếng Việt		Đan
	Đề xuất về khâu đăng thông tin tuyển dụng Đề xuất về khâu tuyển chọn Kết luận	Khái quát về hoạt động tuyển dụng của công ty Grooo	Bình
		Đại	
		Oanh	
		Đại	
28/9 - 1/10	Dịch sang tiếng Nhật		Dan
	Đề xuất về khâu đăng thông tin tuyển dụng Đề xuất về khâu tuyển chọn Lời mở đầu	Khái quát về hoạt động tuyển dụng của công ty Grooo	Bình, Nhài
		Nhài	
		Oanh, Đan	
		Đại	
2/10	Mind map		Đại
6/10	Phát biểu	Khái quát về hoạt động tuyển dụng của công ty Grooo	Bình
	Đề xuất về khâu tuyển chọn	Đề xuất về khâu đăng thông tin tuyển dụng	Nhài
		Oanh	
	Trả lời câu hỏi		Đại, Đan
Nội dung khác	Slide		Đại

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.3.6 Báo cáo kết quả

Sau khi hoàn tất khâu chuẩn bị, mỗi nhóm sẽ thuyết trình về kết quả nghiên cứu của nhóm mình. Trong phần thuyết trình này, các nhóm sẽ trình bày các nội dung xoay quanh vấn đề nghiên cứu, phân tích hiện trạng của doanh nghiệp, tình hình thị trường, trên cơ sở đó chỉ ra các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp, có trường hợp nhóm tiến hành khảo sát và đưa ra đề xuất giải pháp cho doanh nghiệp

Sau phần thuyết trình, sinh viên sẽ trả lời câu hỏi từ phía các giám khảo là đại diện doanh nghiệp và giảng viên phụ trách. Thời gian phân bổ 20 phút cho phần thuyết trình, 10 phút cho phần hỏi đáp. Tiêu chí chấm điểm được xây dựng trên 5 khía cạnh là nội dung thuyết trình, khả năng tiếng Nhật, cách diễn đạt, tuân thủ thời gian, trả lời câu hỏi của giám khảo. Điểm đánh giá cuối cùng là điểm trung bình của các giám khảo. Thông qua việc thuyết trình, kỹ năng trình bày, thuyết trình của sinh viên được nâng cao.

4. Kết luận

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, giờ học theo phương thức PBL đã bước đầu đạt được hiệu quả như mục tiêu đề ra, đó là giúp sinh viên nâng cao được năng lực làm việc nhóm; giải quyết vấn đề; xử lý thông tin; khả năng tự học, tự nghiên cứu; sáng tạo; viết báo cáo, viết luận văn bằng tiếng Nhật. Đồng thời, thông qua giờ học PBL, sinh viên trường ĐHNT được tiếp xúc với doanh nghiệp, thông qua đó có được những trải nghiệm về công việc tại doanh nghiệp, từ đó giúp có thêm những kiến thức để định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.

Trong thời gian tới, nếu áp dụng rộng rãi hơn nữa phương thức PBL vào giảng dạy tiếng Nhật nói riêng và các giờ ngoại ngữ nói chung, nhóm tác giả hy vọng sẽ đem đến cho sinh viên những giờ học hứng thú, phù hợp với mục tiêu giảng dạy là đào tạo sinh viên có năng lực làm việc tốt ngay sau khi ra trường, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Dewey, J. (1910), "How we think", Mineola, NY: Dover, <http://www.archive.org/details/howwethink000838mbp>, ngày truy cập 10/04/2020.
- Horii, K. (2010), "プロジェクト型ビジネス日本語教育の意義と課題" 武蔵野大学文学部紀要", Số 11, tr. 47 - 57.
- Horii, K. & Tanemura, M. (2013), "ビジネス日本語教育におけるシニアサポーターの役割 —PBL 授業実践から—" 日本語教育実践研究フォーラム報告", http://www.nkg.or.jp/pdf/jissenhokoku/2013_P09_horii.pdf, ngày truy cập 15/04/2020.
- Horii, K. (2017), "高等教育におけるビジネス日本語教育は何を目指すのか" 国際シンポジウム紀要：ビジネス日本語教育とグローバル人材育成", Kỷ yếu hội thảo quốc tế Đào tạo tiếng Nhật thương mại với phát triển nguồn nhân lực toàn cầu, tr. 20 - 29.
- Matsuda, N., Mori, M. & Kita, H. (2007), "プロジェクト型学習 (PBL) におけるWBSの活用 と その 導入手 法の 提案", Journal of the International Association of Project & Program Management, Vol. 2 No. 1, pp. 129 - 142.
- First News. (2018), "Việt Nam đứng thứ 8 thế giới về số người học tiếng Nhật", <https://firstnews.com.vn/vi/tin-tuc/viet-nam-dung-thu-8-the-gioi-ve-so-nguoi-hoc-tieng->
- Jones, B.F., Rasmussen, C.M. & Moffitt, M.C. (1997), Real-life problem solving: a collaborative approach to interdisciplinary learning, Washington, DC: American Psychological Association.
- Kilpatrick, W.H. (1918), The project method, Teachers college record, reprinted in F. Schultz (Ed.), Notable selections in education (pp. 26 - 33), Guilford, CT: The Dushkin Publishing Group, Inc.
- Nguyen, T.B.H. (2017), "産学協働作成インターンシッププログラム及び課外活動に通じる働く力をもつ高度人材育成の必要性" 国際シンポジウム紀要：ビジネス日本語教育とグローバル人材育成, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Đào tạo tiếng Nhật thương mại với phát triển nguồn nhân lực toàn cầu, tr. 279 - 286.
- Nguyen, T.V.L. (2011), "Project-based learning in teaching English as a foreign language", VNU Journal of Science, Foreign Languages, Vol. 27, pp. 140 - 146.
- Tạp chí Công Thương. (2019), "Số dự án đầu tư mới của Nhật Bản vào Việt Nam cao kỷ lục 3 năm liền", <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/so-du-an-dau-tu-moi-cua-nhat-ban-va-viet-nam-cao-ky-luc-3-nam-lien-64659.htm>, truy cập ngày 22/07/2020.
- Thomas, J.W., Mergendoller, J.R. & Michaelson, A. (1999), Project-based learning: a handbook for middle and high school teachers, Novato, CA: The Buck Institute for Education.
- Tran, T.T.T. (2017), "ハノイ貿易大学におけるビジネス日本語教育～課題と対策" 国際シンポジウム紀要：ビジネス日本語教育とグローバル人材育成", Kỷ yếu hội thảo quốc tế Đào tạo tiếng Nhật thương mại với phát triển nguồn nhân lực toàn cầu, tr. 43 - 59
- Walker, I. (2017), "日系企業セミナープロジェクト シンガポールにおけるビジネス日本語教育" 国際シンポジウム紀要：ビジネス日本語教育とグローバル人材育成", Kỷ yếu hội thảo quốc tế Đào tạo tiếng Nhật thương mại với phát triển nguồn nhân lực toàn cầu, tr. 191 - 204
- Yuasa, K., Oshima, J. & Oshima, R. (2011), "PBL デ インの特徴とその効果の検討", Tập 16, tr. 15 - 22.